

Chương 7: THẤT NGHIỆP VÀ LỰC LƯỢNG

I. Thất nghiệp

1. Khái niệm

Thất nghiệp là tình trạng một bộ phận của lực lượng lao động do những nguyên nhân khác nhau dẫn đến chưa có việc làm.

•Lực lượng lao động: là một bộ phận của dân số, trong độ tuổi lao động, có đủ khả năng lao động, có nghĩa vụ lao động và có mong muốn làm việc.

SƠ ĐỒ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Dân số	Trong độ tuổi lao động	Lực lượng LĐ	Có việc
			Thất nghiệp
	Ngoài ĐT lao động	ốm, nội trợ, ko có nghĩa vụ lao động...	

2. Đo lường thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp : là % số ng-ời thất nghiệp so với tổng số ng-ời trong lực l-ợng lao động.

U : Số ng-ời thất nghiệp

L : Lực l-ợng lao động

$$u = \frac{U}{L} \times 100 \%$$

3. Phân loại thất nghiệp

a. Phân loại theo lý do thất nghiệp:

*Bỏ việc, mất việc, mới gia nhập lực lượng lao động
nhưng chưa có việc làm, tái gia nhập lực lượng lao
động nhưng chưa có việc làm*

b. Phân loại theo nguồn gốc thất nghiệp:

+Thất nghiệp tạm thời): khi ngừng lao động trong quá trình tìm kiếm việc làm mới.

+Thất nghiệp cơ cấu: xảy ra khi thời gian, địa điểm và kỹ năng của người lao động cần việc làm không phù hợp với thời gian, địa điểm và kỹ năng của công việc đang cần lao động.

+Thất nghiệp do thiếu cầu: xảy ra khi mức cầu chung về lao động giảm xuống.

+Thất nghiệp do yếu tố ngoài thị trường (thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển): xảy ra khi tiền lương được ấn định không bởi các lực lượng thị trường mà cao hơn mức lương cân bằng thực tế của thị trường lao động.

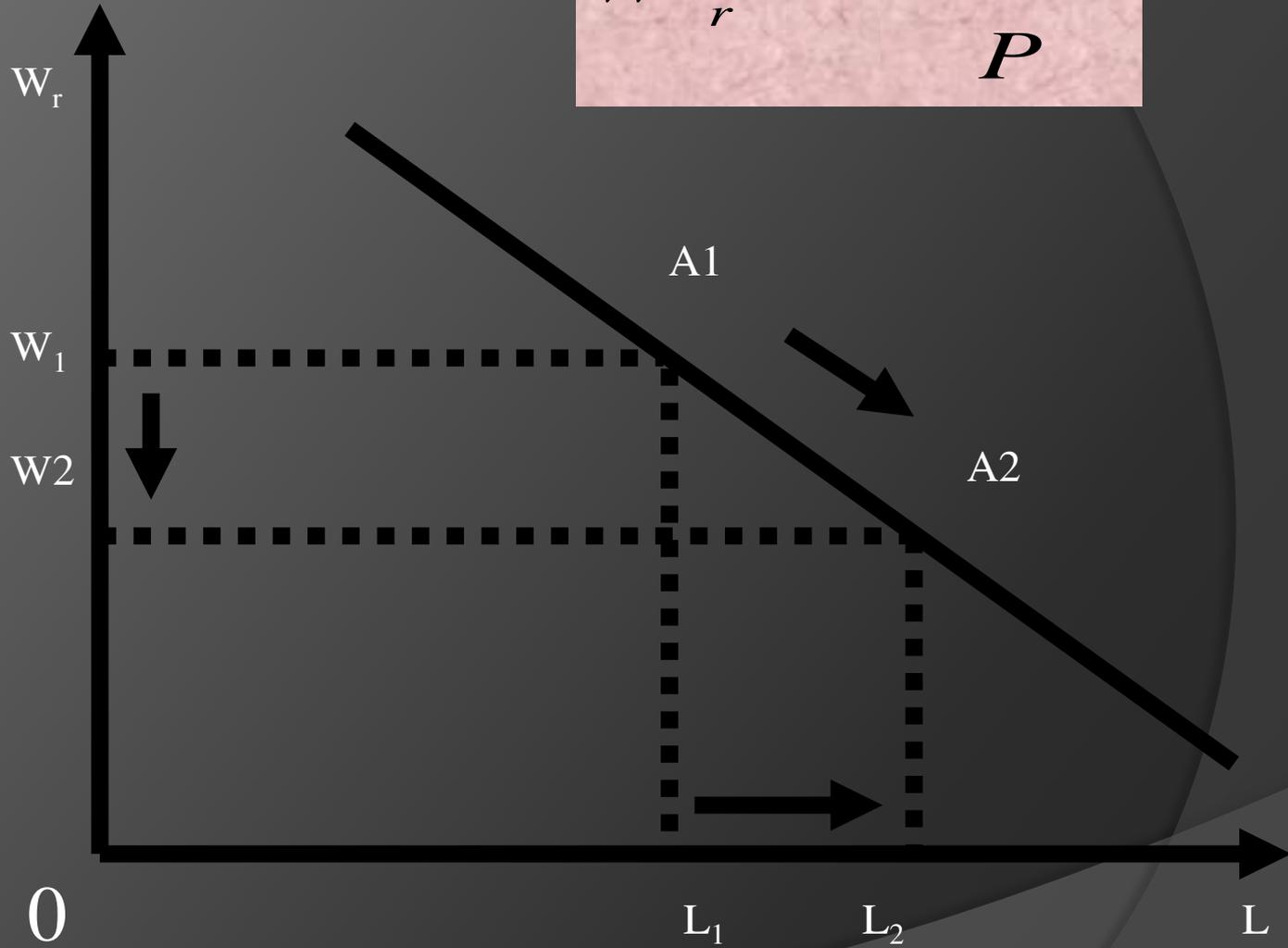
c. Phân loại theo tính chất thất nghiệp- Thất nghiệp tự nguyện, Thất nghiệp không tự nguyện.

4. Thị trường lao động

a. Cầu lao động (LD)

Là số lượng lao động mà các tác nhân trong nền kinh tế mong muốn và có khả năng thuê tương ứng với các mức lương thực tế, trong một thời gian nhất định (giả định các yếu tố kinh tế khác không đổi)

$$W_r = \frac{W_n}{P}$$



b. Cung lao động (LS): là số lao động có khả năng và sẵn sàng làm việc tương ứng với những mức lương thực tế trong một khoảng thời gian nhất định, giả định các yếu tố khác không thay đổi.

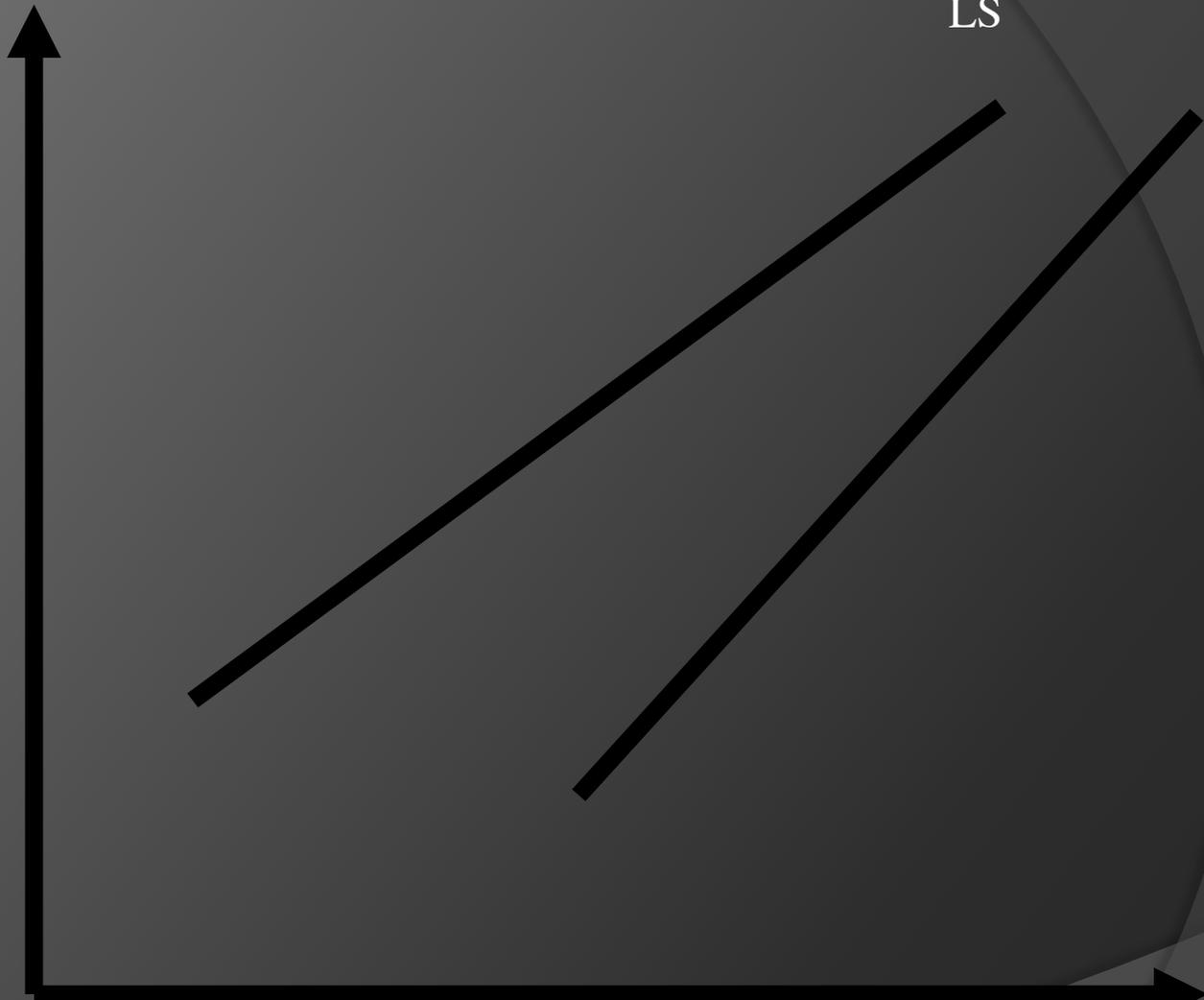
LF : quy mô LLLĐ xã hội tương ứng với các mức lương của TTLĐ.

LS: quy mô bộ phận LĐ chấp nhận làm việc ở mỗi mức lương của TTLĐ

+ Khoảng cách giữa LS và LF biểu thị số người thất nghiệp tự nguyện;

+ LS & LF xu hướng dốc lên trên phản ánh khi W_r tăng lên thì quy mô LLLĐ và số người chấp nhận làm việc tăng lên.

W_r



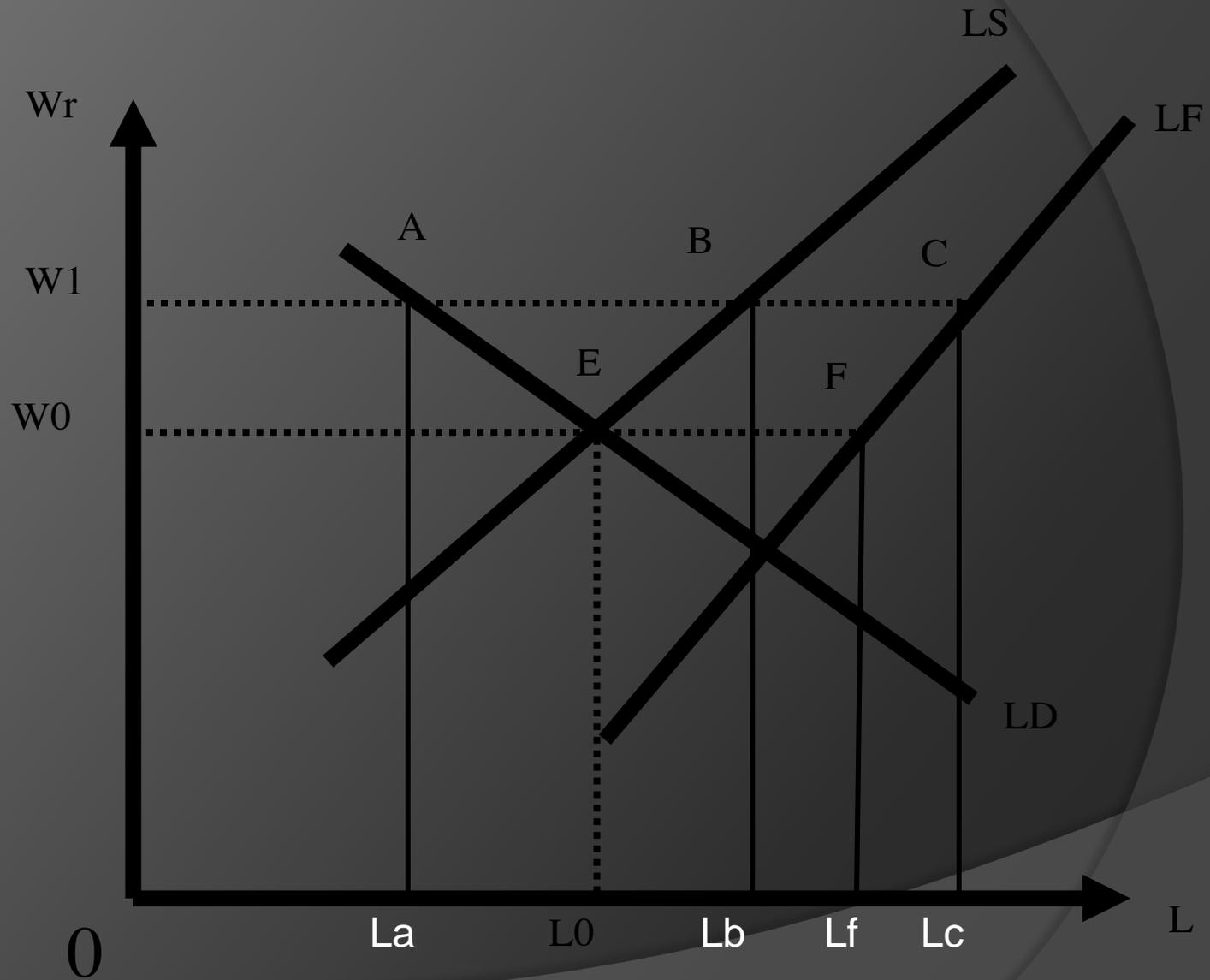
LS

LF

0

L

c. Cân bằng thị trường lao động



Thất nghiệp tự nhiên là thất nghiệp khi thị trường lao động cân bằng. Tại đó W và P là hợp lý, số người thất nghiệp tự nhiên bằng tổng số người thất nghiệp tự nguyện.



II. Lạm phát:

1. Khái niệm và thước đo lạm phát:

Lạm phát là sự tăng lên của mức giá chung trong nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định.

Khi mức giá chung trong nền kinh tế giảm xuống trong một khoảng thời gian nhất định gọi là giảm phát .

2. Thước đo lạm phát:

Công thức tính:

$$g_p = \frac{P_t - P_{t-1}}{P_{t-1}} \times 100\%$$

P_{t-1} : mức giá chung của kỳ trước đó

P_t : mức giá chung của kỳ nghiên cứu

+ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): phản ánh sự biến động giá của một "giỏ" hàng hoá và dịch vụ tiêu biểu cho cơ cấu tiêu dùng xã hội.

Công thức :

$$CPI = \frac{\sum_{i=1}^k P_i^t Q_i^0}{\sum_{i=1}^k P_i^0 Q_i^0} \quad \text{Hoặc} \quad CPI = \sum_{i=1}^k I_i^p \times d_i$$

P_i^0 : Giá kỳ gốc hàng i ;

P_i^t : Giá kỳ nghiên cứu của hàng i

Q_i^0 : Lượng kỳ gốc của hàng i ;

I_i^p : Chỉ số giá của từng loại hàng, nhóm hàng trong "giỏ"

d_i : Tỷ trọng mức tiêu dùng từng loại hàng, nhóm hàng trong "giỏ"

Mặt hàng	Chỉ số giá ($I_{2009/2008}$)	Tỷ trọng (d)
<i>A</i>	1,2	30%
<i>B</i>	1,4	25%
<i>C</i>	0,9	15%
<i>E</i>	1,5	30%

$$CPI\ 2009 = 1,2 \times 30\% + 1,4 \times 25\% + 0,9 \times 15\% + 1,5 \times 30\% = 1,295$$

$$g_p = \frac{CPI_t - CPI_{t-1}}{CPI_{t-1}} \times 100\%$$

*CPI*_{t-1}: kỳ trước
*CPI*_t: kỳ nghiên cứu

+ Chỉ số giá sản xuất

Phản ánh sự biến động giá cả của đầu vào, thực chất là biến động giá cả chi phí sản xuất.

Trọng số sử dụng tính toán PPI là doanh thu ròng của hàng hoá, được xác định bằng TR trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá và doanh thu hàng bị trả lại. Chỉ số này ít được sử dụng (chỉ có Mỹ).

$$C P I = \sum_{i=1}^k I_i^P \times d_i$$

I_i^P : Chỉ số giá của các yếu tố đầu vào

d_i : Tỷ trọng doanh thu ròng của các loại hàng hoá

2. Phân loại lạm phát

Tính theo mức độ của tỷ lệ lạm phát có thể chia lạm phát thành 3 loại: Lạm phát vừa phải, lạm phát phi mã và siêu lạm phát.

** Lạm phát vừa phải: là lạm phát một con số, d-ới 10%/năm, giá cả tăng chậm và có thể dự đoán tr-ớc đ-ợc.*

Lạm phát vừa phải không gây ra những tác động nhiều với nền kinh tế, nó còn có khả năng kích thích SX vì giá tăng nhẹ làm tăng lợi nhuận sẽ khuyến khích các DN tăng sản l-ợng

*Lạm phát phi mã: là lạm phát 2 con số (10%-99%) trong một năm, lạm phát này nếu kéo dài sẽ gây ra những biến dạng kinh tế nghiêm trọng, triệt tiêu các động lực phát triển kinh tế.

Siêu lạm phát : là lạm phát 3 con số trở lên, 100% có tỷ lệ lạm phát trong 1 năm.

+ Căn cứ theo tính chất lạm phát:

*Lạm phát dự kiến: do yếu tố tâm lý, dự đoán của các cá nhân về tốc độ tăng giá t- ơng lai dựa vào lạm phát quá khứ. ảnh h- ớng không lớn

+Lạm phát không dự kiến: do các cú sốc từ bên ngoài và các tác nhân trong nền kinh tế không dự kiến đ- ợc và bị bất ngờ.

3. Tác hại của lạm phát:

❖ Nếu P các loại hàng hoá tăng với tốc độ đều nhau thì hầu như không ảnh hưởng đến nền kinh tế do giá cả tương đối của các hàng hóa không thay đổi.

❖ *Lạm phát thường xảy ra theo hai hướng:*

+ *Tốc độ tăng giá của hàng hoá, dịch vụ không đều,*

+ *Tốc độ tăng P và tăng Q cũng không đồng đều.*

❖ *Tác hại chính của LP:*

+ *Phân phối lại thu nhập và của cải một cách ngẫu nhiên giữa các cá nhân, tập đoàn...*

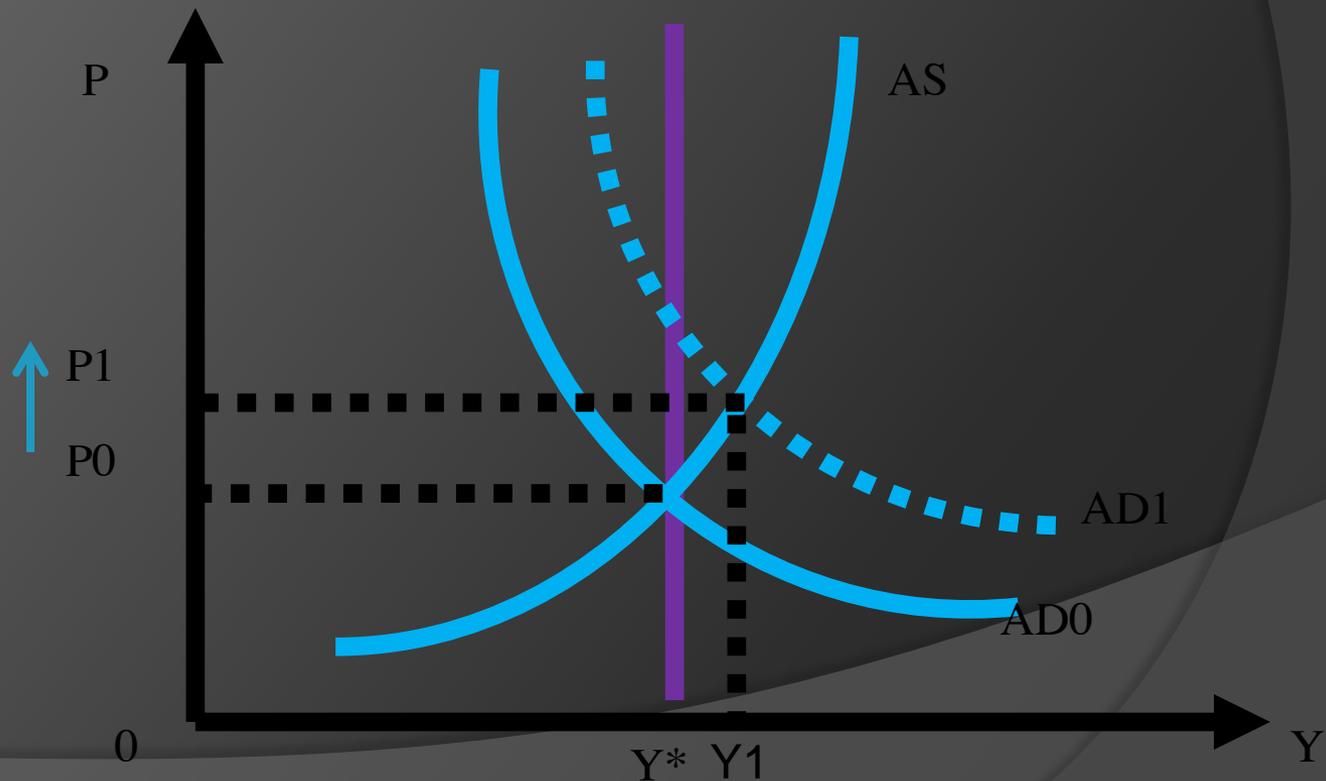
+ *Biến dạng cơ cấu SX và việc làm => DN phá sản hoặc chuyển hướng kinh doanh*

+ *Làm giảm tính hiệu quả kinh tế do hậu quả tiêu cực mà lạm phát gây ra.*

4. Các lý thuyết về lạm phát

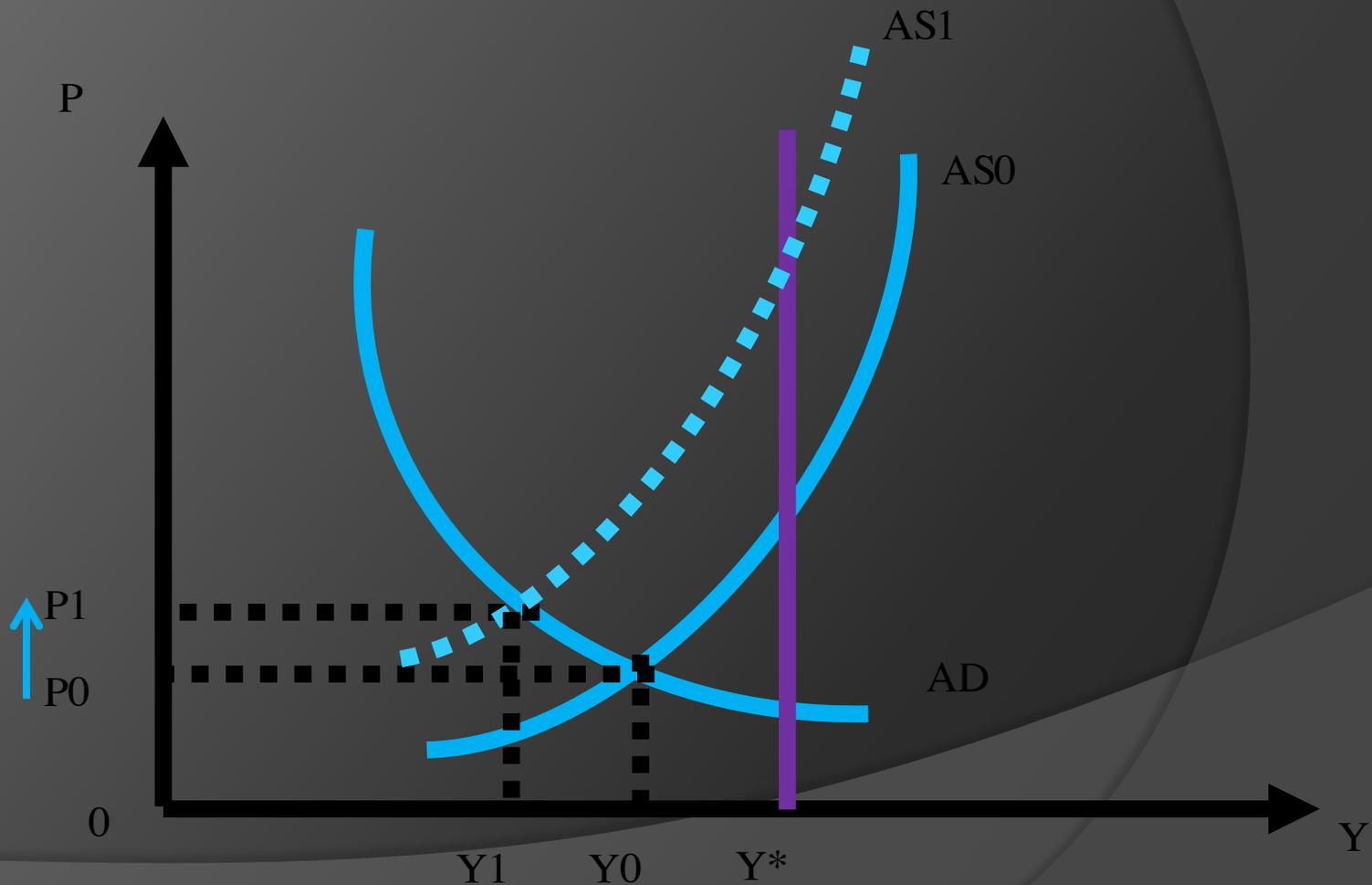
* Lạm phát do cầu kéo

Xảy ra khi tổng cầu tăng lên mạnh mẽ tại mức sản lượng đã đạt hoặc vượt quá sản lượng tiềm năng.



*Lạm phát do chi phí đẩy

Lạm phát do chi phí đẩy xảy ra khi chi phí sản xuất tăng đột ngột.



*Lạm phát và tiền tệ;

Khi thị trường tiền tệ cân bằng

$$\frac{MS}{P} = MD = kY - hi$$

Nếu lượng (MS_n) tăng lên thì giá cả (P) cũng sẽ tăng lên với tỷ lệ tương ứng, \Rightarrow tỷ lệ lạm phát bằng tỷ lệ tăng tiền danh nghĩa, nên:

➤ Khi NHTW tăng MS \Rightarrow lạm phát. Khi lạm phát tăng nhanh thì cần giảm tốc độ tăng tiền \Rightarrow CP thay vì in tiền, có thể phát hành công trái để chi tiêu.

➤ Khi nền kinh tế gặp phải cơn sốc nh- giá của các yếu tố đầu vào tăng lên \Rightarrow MS/P giảm nhất thời \Rightarrow CP phải tăng MS danh nghĩa để đảm bảo nhu cầu tiền thực tế.

III. MỐI QUAN HỆ GIỮA LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

Từ cuối những năm 1950 A.W.Phillips đã nghiên cứu mối liên hệ giữa lạm phát và thất nghiệp và cho ra đời “lý thuyết trao đổi về lạm phát” được thể hiện bằng đường Phillips.

Đường Phillips có dạng như sau:

$g_p = -\varepsilon (u - u^*)$ Trong đó: g_p = tỷ lệ lạm phát

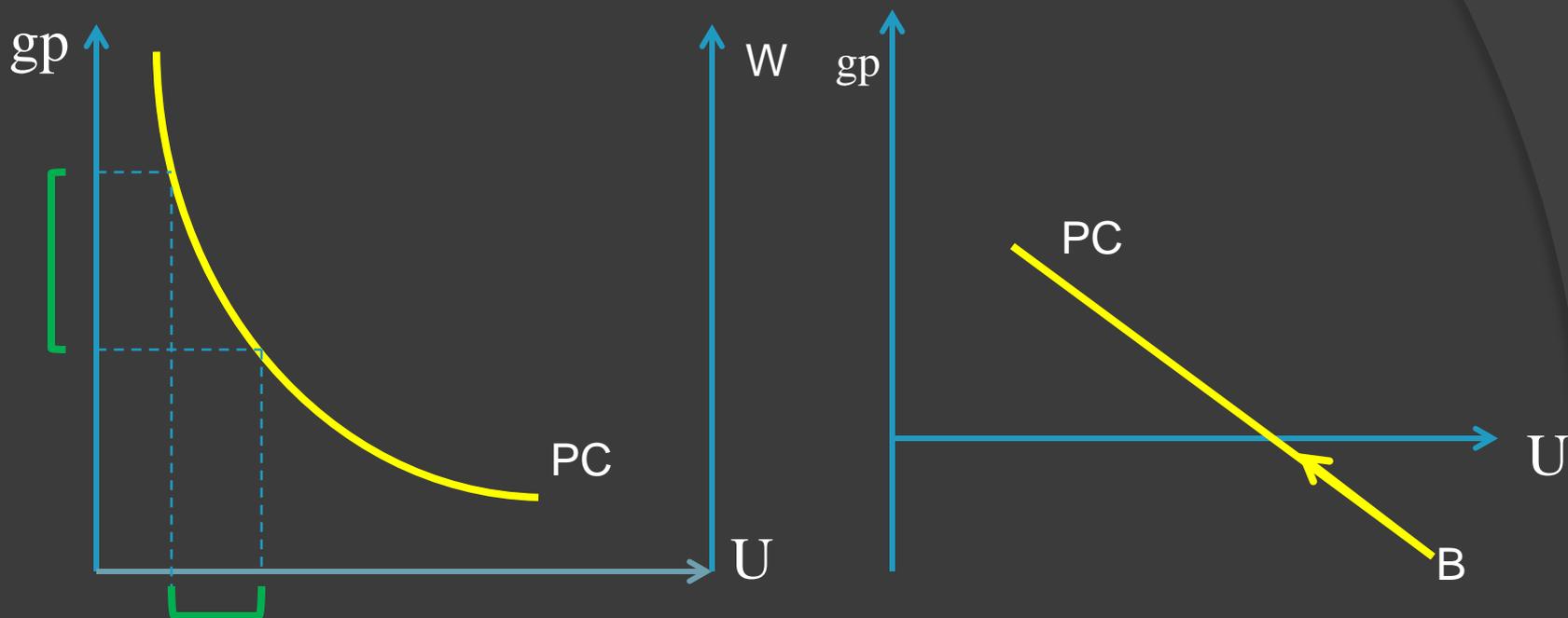
U = tỷ lệ thất nghiệp thực tế

U^* = tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên

ε = độ dốc đường Phillips

Giữa thất nghiệp và lạm phát có mối quan hệ nghịch \rightarrow có thể đánh đổi lạm phát để lấy thất nghiệp thấp.

MỐI QUAN HỆ GIỮA LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP



Độ lớn của ε phản ánh sự thay đổi của tiền lương. Nếu tiền lương có độ thay đổi mạnh thì ε lớn, nếu tiền lương có tính ì cao thì ε nhỏ.

Độ dốc ε càng lớn thì một sự tăng, giảm nhỏ của thất nghiệp sẽ gây ra sự tăng, giảm đáng kể về lạm phát.

* Lam phát và lãi suất

Lãi suất danh nghĩa (i) là chi phí cơ hội của việc giữ tiền

Lãi suất thực tế = Lãi suất danh nghĩa - Tỷ lệ lạm phát

$$r = i - gp$$

Giả thuyết của Irving Fisher gp tăng 1% \Rightarrow i tăng 1% r ít thay đổi và ở mức mà cả ng-ời cho vay và ng-ời đi vay đều có thể chấp nhận đ-ợc.

5. Các biện pháp khắc phục lạm phát

Giảm mạnh tốc độ tăng cung tiền, kiểm soát có hiệu quả việc tăng l- ơng danh nghĩa và cắt giảm chi tiêu ngân sách

Đây là biện pháp tạo cú sốc cầu, vì khi MS giảm \Rightarrow ităng \Rightarrow C,I,G giảm \Rightarrow AD giảm \Rightarrow Y giảm \Rightarrow gây ra một mức độ suy thoái và thất nghiệp nhất định.

Tr- ờng hợp lạm phát vừa, muốn kiềm chế lạm phát và đẩy từ từ xuống mức thấp hơn đòi hỏi áp dụng những chính sách nói trên nh- ng ở mức độ nhẹ hơn.